ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG CHÂU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 593 /BC-UBND	*Hồng Châu, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ năm 2027

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: Số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Thực hiện Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn phường Hồng Châu năm 2026;

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/10/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thành lập đoàn tự kiểm tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của phường Hồng Châu năm 2026.

Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026 như sau:

Phần I
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Phường Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên được thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng phường Hồng Châu (cũ), xã Quảng Châu và xã Hoàng Hanh thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (cũ). Phía Đông giáp xã Tân Hưng; phía Tây giáp sông Hồng; phía Nam giáp sông Luộc; phía Bắc giáp phường Phố Hiến. Phường có diện tích khoảng 15,41 km², dân số hơn 18.825 người, gồm 09 tổ dân phố. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên; an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Công tác giáo dục luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể. Đa số phụ huynh có nhận thức đúng về mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục, tin tưởng và tích cực phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi để sự nghiệp giáo dục của địa phương ngày càng phát triển.

Hiện nay, phường Hồng Châu có 03 trường công lập, gồm 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở; ngoài ra, trên địa bàn có 06 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục.

1. Thuận lợi

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền phường thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC), xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Công tác phối hợp giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, đoàn thể ngày càng chặt chẽ, góp phần huy động sự quan tâm, tham gia của toàn xã hội đối với giáo dục nói chung và công tác PCGD, XMC nói riêng.

- UBND phường quan tâm huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất trường học, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm giảng dạy và ý thức thường xuyên học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhà trường xác định PCGD, XMC là nhiệm vụ thường xuyên, chủ động triển khai thực hiện, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

- Các cơ sở giáo dục duy trì nền nếp dạy và học; chú trọng tổ chức các hoạt động giáo dục, chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và nâng cao chất lượng dạy học. Các phong trào thi đua như "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" tiếp tục được triển khai. Các nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện thực tế.

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và việc duy trì các phong trào thi đua trong ngành giáo dục góp phần cải thiện điều kiện dạy và học, tạo nền tảng để địa phương giữ vững, củng cố và nâng cao kết quả PCGD, XMC.

2. Khó khăn

- Phường Hồng Châu có địa dư hành chính phức tạp, nằm chạy dọc theo ven sông Hồng, cơ sở hạ tầng của địa phương còn nhiều khó khăn, đời sống nhân dân tuy đã phát triển nhưng so với mặt bằng chung của tỉnh còn thấp, số hộ nghèo tuy đã giảm nhưng còn nhiều so với các phường, xã của tỉnh.

- Có nhiều gia đình kinh tế còn khó khăn. Số gia đình thay đổi chỗ ở, do công việc làm ăn không ổn định. Nhiều gia đình chuyển đến, chuyển đi bất thường do vậy ảnh hưởng đến việc điều tra.

- Một bộ phận nhân dân trình độ dân trí còn hạn chế, không nắm được việc học tập của con em mình, hoặc phó mặc cho các nhà trường do vậy việc PCGD, XMC còn có nhiều bất cập.

Phần II

CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP

1. Công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, HĐND, UBND phường

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ: Số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Thực hiện các Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Kế hoạch số 40/KH-SGDĐT ngày 11/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

2. Ban hành văn bản triển khai, tổ chức thực hiện

UBND phường đã thành lập Ban Chỉ đạo PCGD, XMC; phân công cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của từng thành viên trong BCĐ; tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các hoạt động trong quá trình triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch và lộ trình; tiếp tục triển khai hướng dẫn thực hiện công tác PCGD, XMC của phường như:

- Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thành lập Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 14/9/2026 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập các Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 10/9/2026 của Ban Chỉ đạo về phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/10/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thành lập đoàn tự kiểm tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của phường Hồng Châu năm 2026.

Bên cạnh đó, một số ngành liên quan như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, ... là lực lượng phối hợp, hỗ trợ trong việc vận động thanh, thiếu niên trong độ tuổi đến trường, đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Tổ chức chỉ đạo của Ban chỉ đạo PCGD, XMC phường

Đã chỉ đạo triển khai, tuyên truyền sâu, rộng trong các phòng, đơn vị, đoàn thể và nhân dân về yêu cầu PCGD, XMC theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; tổ chức tốt ngày "Toàn dân đưa trẻ đến trường", huy động 100% trẻ em 6 tuổi phải phổ cập ra lớp.

Ban hành Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 10/9/2026 của Ban Chỉ đạo về phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026; mỗi thành viên đều nhiệt tình, luôn theo dõi và bám sát lĩnh vực phụ trách để có giải pháp huy động, duy trì số lượng học sinh theo đúng chỉ tiêu và kế hoạch đề ra.

Đã tổ chức triển khai và nhắc lại kỹ thuật nhập và xử lý số liệu trên hệ thống phần mềm, bảng tính Excel nhằm phục vụ cho công tác PCGD, XMC từ Mầm non đến TH, THCS được thuận tiện. Trong đó tập trung thực hiện công tác điều tra đến từng hộ gia đình đảm bảo tính chính xác, kịp thời.

3. Hoạt động của các phòng, đơn vị, địa phương

3.1. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

- Phòng Văn hóa - Xã hội phường đã triển khai Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn phường năm 2026; hướng dẫn các trường học phối hợp tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Phòng đã tham mưu UBND phường tổ chức tự kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đúng thời gian quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ dân phố tổ chức điều tra, rà soát đối tượng trong độ tuổi phổ cập đến từng hộ gia đình; thực hiện cập nhật, đối chiếu, xử lý dữ liệu trên hệ thống phần mềm, bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ theo quy định. Đồng thời, hướng dẫn các nhà trường triển khai các giải pháp huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và dạy học; kịp thời phát hiện, vận động học sinh có nguy cơ bỏ học tiếp tục đến trường; quan tâm phụ đạo học sinh còn hạn chế về kiến thức, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh học hòa nhập.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, giáo viên theo quy định; phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo

vệ và chăm sóc bản thân cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hạn chế tình trạng bỏ học.

- Tham mưu UBND phường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; rà soát, tham mưu bố trí đội ngũ giáo viên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn, yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục. Đồng thời, tham mưu thành lập Đoàn tự kiểm tra công tác PCGD, XMC; tổ chức kiểm tra, tổng hợp kết quả, hoàn thiện hồ sơ và tham mưu UBND phường báo cáo, đề nghị công nhận kết quả PCGD, XMC năm 2026 theo quy định.

3.2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu UBND phường bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác PCGD, XMC; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định. Rà soát nhu cầu đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục; phối hợp kiểm tra, đánh giá các điều kiện bảo đảm thực hiện công tác PCGD, XMC trên địa bàn phường.

3.3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về công tác PCGD, XMC trên hệ thống thông tin cơ sở; lồng ghép nội dung tuyên truyền với nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC tại địa phương.

3.4. Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phường

- Chỉ đạo thành lập các tổ điều tra, tổ chức rà soát đối tượng trong độ tuổi phổ cập; phối hợp với tổ dân phố và các đơn vị liên quan thu thập, xác minh, cập nhật thông tin, xử lý dữ liệu trên hệ thống thông tin PCGD, XMC, bảo đảm số liệu chính xác, đầy đủ, thống nhất với hồ sơ quản lý.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp huy động trẻ em ra lớp, duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và dạy học; quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh có nguy cơ bỏ học. Thực hiện rà soát, hoàn thiện hồ sơ, biểu mẫu PCGD, XMC; cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu phục vụ công tác tự kiểm tra, đánh giá kết quả PCGD, XMC năm 2026 theo quy định.

3.5. Các tổ dân phố

Các tổ dân phố phối hợp với các cơ sở giáo dục và Công an phường tổ chức rà soát, điều tra nhân khẩu, thu thập, xác minh thông tin về tình trạng cư trú của người dân tại từng hộ gia đình, phục vụ công tác thống kê đối tượng PCGD, XMC.

Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân quan tâm đến việc học tập của con em; phối hợp huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường, vận động người chưa biết chữ tham gia học tập, góp phần thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC theo kế hoạch đề ra.

3.6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

Phối hợp với Ban Chỉ đạo và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC; lồng ghép nội dung tuyên truyền về xóa mù chữ với các cuộc vận động, phong trào thi đua tại địa phương. Hướng dẫn, vận động các tổ chức thành viên phối hợp với cơ sở giáo dục và tổ dân phố trong công tác rà soát đối tượng, huy động trẻ em đến trường, vận động người chưa biết chữ tham gia học tập; góp phần nâng cao dân trí và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn phường.

3.7. Hội Cựu chiến binh phường

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các tổ chức đoàn thể và cơ sở giáo dục tuyên truyền, vận động hội viên, gia đình hội viên và nhân dân thực hiện tốt công tác PCGD, XMC. Phát huy vai trò của hội viên trong vận động trẻ em trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số học sinh và vận động người chưa biết chữ tham gia học tập, góp phần thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC tại địa phương.

3.8. Hội Liên hiệp Phụ nữ phường

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ và nhân dân tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC; phối hợp điều tra, khảo sát trình độ văn hóa và nhu cầu học tập của người dân, chú trọng vận động phụ nữ, trẻ em gái chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ.

- Đồng thời, tuyên truyền, vận động hội viên tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật, pháp luật, học nghề và các nội dung thiết thực tại Trung tâm học tập cộng đồng. Qua đó, góp phần thúc đẩy học tập suốt đời, củng cố kết quả biết chữ, hạn chế nguy cơ tái mù chữ và nâng cao cơ hội học tập, phát triển kinh tế gia đình.

3.9. Hội Nông dân phường

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân tích cực tham gia công tác PCGD, XMC; vận động người chưa biết chữ tham gia học tập, xóa mù chữ. Đồng thời, khuyến khích hội viên tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật, pháp luật và phát triển sản xuất, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy học tập suốt đời trên địa bàn phường.

3.10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các tổ chức đoàn thể, tổ dân phố và cơ sở giáo dục tuyên truyền, vận động thanh thiếu niên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện công tác PCGD, XMC; phối hợp điều tra, khảo sát trình độ văn hóa và nhu cầu học tập của người dân. Phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của đoàn viên, thanh niên trong hỗ trợ công tác điều tra, cập nhật thông tin, vận động người chưa biết chữ tham gia học xóa mù chữ và hỗ trợ các hoạt động học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

3.11. Trung tâm Học tập cộng đồng phường

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác PCGD, XMC; nâng cao chất lượng hoạt động, tổ chức các lớp học xóa mù chữ và các lớp chuyên đề để củng cố kết quả biết chữ;

- Tổ chức vận động các gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư tích cực vận động người chưa biết chữ tham gia các lớp xóa mù chữ.

II. KẾT QUẢ

1. Hồ sơ gồm có

1.1. Các văn bản chỉ đạo về PCGD, XMC của phường Hồng Châu

- Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 09/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thành lập Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 02/QĐ-BCĐ ngày 14/9/2026 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập các Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 10/9/2026 của Ban Chỉ đạo về phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026;

- Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/10/2026 của UBND phường Hồng Châu về việc thành lập đoàn tự kiểm tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của phường Hồng Châu năm 2026.

1.2. Các biểu mẫu thống kê *(MN, TH, THCS, XMC)* đính kèm.

- Các loại danh sách: Học sinh hoàn thành chương trình MG 5 tuổi; học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học; học sinh tốt nghiệp THCS; danh sách người mù chữ.

- Phiếu điều tra PCGD, XMC của 09 tổ dân phố.

- Các văn bản chỉ đạo về PCGD, XMC của phường Hồng Châu:

2. Số liệu chung

TT	Tổ dân phố	Tổng số hộ dân	Số hộ đã được rà soát, điều tra	Tỉ lệ số hộ đã được rà soát, điều tra	Tổng dân số
1	TDP Quảng Châu 1	646	646	100%	2241
2	TDP Quảng Châu 2	605	605	100%	2135
3	TDP Quảng Châu 3	582	582	100%	1978
4	TDP Quảng Châu 4	657	657	100%	2252
5	TDP Quảng Châu 5	571	571	100%	1904
6	TDP Phương Độ	768	768	100%	2507
7	TDP Phố Hiến	578	578	100%	1662
8	TDP An Châu	552	552	100%	1690
9	TDP Phù Sa	689	689	100%	2456
Tổng		**5.648**	**5.648**	100%	**18.825**

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

a) Trẻ em:

- Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn phường: 187;

- Tổng số trẻ 5 tuổi phải huy động: 187/187 = 100%;

- Số trẻ 5 tuổi khuyết tật: 0;

+ Số trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập: 0;

+ Số trẻ được tiếp cận GD (hòa nhập): 0; Tỉ lệ: 0%;

- Tổng số trẻ 5 tuổi huy động ra lớp: 187/187, đạt 100%;

- Tổng số trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 187, đạt 100%

- Số trẻ hoàn thành chương trình GDMN: 272/272, đạt 100%

* Đánh giá tình hình trẻ 5 tuổi

- Ưu điểm: Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp và tỉ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày đều đạt 100%.

- Hạn chế: Một số phụ huynh chưa quan tâm nhiều đến việc chăm sóc giáo dục trẻ nên tỉ lệ chuyên cần đạt chưa cao.

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới: Tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động trẻ trong độ tuổi ra lớp, duy trì sĩ số và nâng cao tỉ lệ chuyên cần, bảo đảm thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

b) Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

Tổng số CBQL,GV,NV trường công lập: 57

Tổng số CBQL,GV,NV nhóm lớp độc lập tư thục: 27

- Tổng số CBQL trường công lập: 4

Trong đó:

+ Hiệu trưởng: 1; Phó hiệu trưởng: 3

+ Số CBQL đạt chuẩn trình độ: 4/4, đạt 100% trên chuẩn 4/4, tỉ lệ: 100%

* Giáo viên:

- Tổng số giáo viên trên địa bàn phường: 79.Trong đó nữ: 79; dân tộc: Kinh

+ Số giáo viên biên chế: 52 ; số giáo viên hợp đồng được hưởng chính sách theo quy định: 27

- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo: 58

- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo: 58 Tỉ lệ 58/58, đạt 100%

- Số giáo viên dạy lớp mẫu giáo đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 49, tỉ lệ 49/ 58, đạt 84,4 %

- Số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo: 0, tỉ lệ 0, đạt 0 %

- Tổng số giáo viên dạy lớp MG 5 tuổi: 20 giáo viên;

- Định biên giáo viên trên lớp 5 tuổi : 2 GV/ lớp;

- Số Giáo viên dạy lớp MG 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 20/20.Tỉ lệ: 100%.

- Số người được phân công theo dõi phổ cập giáo dục: 57

* Nhân viên:

- Trường công lập:

Tổng số: 1 Kế toán

- Nhân viên nhóm độc lập tư thục: 6

* Đánh giá đội ngũ giáo viên nhân viên

- Ưu điểm: Đội ngũ giáo viên nhân viên luôn yêu nghề mến trẻ, giáo viên biên chế trong trường công đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ vững vàng

- Hạn chế: Một số giáo viên, nhân viên của một số cơ sở tư thục về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế.

- Giải pháp khắc phục trong thời gian tới: Đào tạo đội ngũ giáo viên, nhân viên cho các cơ sở độc lập tư thục về trình độ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng chuyên môn.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Số điểm trường: 10

- Tổng số phòng học: 37; tỉ lệ 37/37 phòng, đạt 100%.

- Phòng học kiên cố: 37 phòng; tỉ lệ 37/37, đạt 100%.

- Phòng học bán kiên cố: 0 phòng.

- Phòng học nhờ, học tạm: 0

- Tổng số phòng học lớp MG 5 tuổi: 10/10; Tỉ lệ: 01 phòng/01 lớp;

Trong đó:

+ Số phòng kiên cố: 10/10 phòng, đạt 100%;

+ Số phòng bán kiên cố: 0, đạt 0%;

- Tổng số phòng, nhóm lớp dưới 5 tuổi: 27 tỉ lệ 27 lớp/ 27 phòng, đạt 100%

- Số bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi 10/10 bộ, đạt 100%;

- Số phòng hoặc khu vệ sinh của trường và các cơ sở mầm non tư thục :29

- Số công trình nước sạch: 10;

- Số bếp ăn của trường MN và các cơ sở tư thục: 9;

- Tổng số sân chơi của trường mầm non và các cơ sở giáo dục mầm non tư thục: 11 sân chơi; trong đó, 10 sân chơi có trang bị đồ chơi ngoài trời, đạt tỉ lệ 90,9%.

- Bếp ăn: 9

- Lán xe: 5

- Nhà bảo vệ: 3

- Có đủ phòng học dành cho MG 5 tuổi, các phòng đủ diện tích theo quy định, phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

*** Đánh giá ưu điểm hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới**

+ Ưu điểm:

- Điều kiện phòng học và phòng làm việc: Phòng học và phòng làm việc của các cơ sở giáo dục mầm non trong phường Hồng Châu khang trang sạch sẽ, có đầy đủ các thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ cho cán bộ giáo viên và học sinh trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Điều kiện đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu: các trường mầm non trong phường Hồng Châu và các cơ sở tư thục có đầy đủ các thiết bị đồ dùng đồ chơi tối thiểu cho việc chăm sóc giáo dục trẻ tại trường.

Điều kiện sân chơi, đồ chơi ngoài trời, nước sạch và vệ sinh: Các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường Hồng Châu cơ bản bảo đảm điều kiện về sân chơi, đồ chơi ngoài trời, công trình nước sạch và vệ sinh theo quy định. Tuy nhiên, một số cơ sở giáo dục mầm non tư thục còn hạn chế về trang thiết bị, đồ chơi ngoài trời.

+ Hạn chế:

Tuy nhiên một số cơ sở tư thục và nhóm trẻ độc lập trên địa bàn phường về điều kiện sân chơi và đồ chơi ngoài trời chưa bảo đảm theo quy định, diện tích sân chơi còn nhỏ hẹp, đồ chơi ngoài trời chưa phong phú.

+ Giải pháp khắc phục trong thời gian tới: Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục mầm non tư thục đầu tư, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu và đồ chơi ngoài trời; cải tạo, mở rộng diện tích sân chơi, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định.

*** Kết luận:** Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ phường Hồng Châu đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi năm 2026.

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

a) Học sinh

* Tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 272

- Tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 272 trẻ;

- Số trẻ 6 tuổi phải huy động vào lớp 1: 272 trẻ;

- Số trẻ 6 tuổi đã huy động vào lớp 1: 272/272 trẻ, đạt 100%.

- Tổng số trẻ 6 tuổi khuyết tật: 02 Trong đó:

- Số trẻ 6 tuổi khuyết tật có khả năng học tập: 02

- Số trẻ 6 tuổi khuyết tật được tiếp cận GD (hòa nhập): 02 ; Tỉ lệ 02/02, đạt 100%

* Tổng số trẻ 11 tuổi trên địa bàn: 371

- Số trẻ 11 tuổi phải phổ cập: 366

- Số trẻ 11 tuổi HTCTTH lên lớp 6: 358; Tỉ lệ 358/366, đạt 97,8%;

- Số trẻ 11 tuổi đang học tiểu học: 8; Tỉ lệ 8/366, chiếm 2,2%;

- Tổng số trẻ 11 tuổi khuyết tật: 05; Trong đó:

- Số trẻ 11 tuổi khuyết tật có khả năng học tập: 05

- Số trẻ 11 tuổi khuyết tật được tiếp cận GD (hòa nhập): 05; Tỉ lệ 05/05, đạt 100 %

* Tổng số trẻ từ 11 đến 14 tuổi trên địa bàn: 1.434 trẻ;

- Số trẻ 11 đến 14 tuổi phải phổ cập: 1422

- Số trẻ từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 1.414/1.422 trẻ, đạt 99,4%.

* Tổng số trẻ 14 tuổi trên địa bàn: 383 trẻ *(có 02 trẻ khuyết tật không đánh giá).*

- Số trẻ 14 tuổi phải phổ cập: 381

- Số trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 381/381 trẻ, đạt 100%.

- Số trẻ từ 6-14 tuổi khuyết tật: 24

**** Đánh giá tình hình trẻ em trong độ tuổi***

- Ưu điểm: Trẻ em trong độ tuổi có sức khỏe tốt, bảo đảm việc học tập và rèn luyện.

- Hạn chế: Một số phụ huynh đi làm ăn xa gửi con cho ông bà hoặc người thân nên việc quan tâm và chăm sóc học sinh chưa được bảo đảm.

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới: Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc nắm bắt hoàn cảnh, tình hình học tập của học sinh; kịp thời quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện để các em duy trì việc học tập và hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định.

b) Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

**** Cán bộ quản lý***

- Tổng số CBQL: 04. Trong đó:

+ Hiệu trưởng: 01; PHT: 03

+ Số CBQL đạt chuẩn trình độ: 4/4, đạt 100%; Trên chuẩn trình độ: 4/4, tỉ lệ: 100%

**** Giáo viên***

- Tổng số GV Tiểu học: 72; Trong đó: Nữ: 65; Dân tộc: 0

(Số GV văn hóa: 53, Âm nhạc: 04, Mĩ Thuật: 04, Tiếng Anh: 07, GDTC: 02, Tin học: 02)

+ Số giáo viên biên chế: 72; số giáo viên hợp đồng được hưởng chính sách theo quy định: 0

+ Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 72; Tỉ lệ 72/72, đạt 100%

+ Số giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 68; Tỉ lệ 68/72, đạt 94,4%

+ Số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo: 0 ;

(Trình độ đào tạo: Trên ĐH: 0; Đại học: 68; THSP: 04)

+ Tỉ lệ giáo viên trên lớp: 1.6

+ Số GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học: 72/72, tỉ lệ: 100 %

(Tốt: 41; Khá: 31; Đạt: 0, Không đạt: 0)

- Tổng phụ trách Đội: 0 ;

- Số người được phân công theo dõi Phổ cập giáo dục: 36

* Nhân viên

Tổng số nhân viên: 03 Trong đó: Kế toán: 01; Văn thư: 01; Thiết bị : 01

*** Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên**

- Ưu điểm: Đội ngũ giáo viên và nhân viên có chuyên môn tốt, có năng lực sư phạm và nhiệt tình trong công việc.

- Hạn chế: một số ít giáo viên còn hạn chế về kĩ năng sử dụng các phần mềm dạy học, thiết bị thông minh.

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới: Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên; khuyến khích giáo viên chủ động tự học, nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm và thiết bị công nghệ trong giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tổng số phòng học: 45 phòng; Tỉ lệ phòng/lớp: 45/45, đạt 100%.

Trong đó:

+ Phòng học kiên cố: 45 phòng; Tỉ lệ phòng/lớp: 45/45, đạt 100%.

+ Phòng học bán kiên cố: 0 phòng;

+ Phòng học tạm, học nhờ: 0 phòng;

- Phòng chức năng: 21 phòng *(Hiệu trưởng: 01 phòng; Phó Hiệu trưởng: 03 phòng; Văn phòng: 03 phòng; Phòng Y tế: 03 phòng; Phòng Tổng phụ trách Đội: 02 phòng; Phòng họp: 03, Phòng Thư viện: 03, Phòng Thiết bị: 03)*

- Các điều kiện CSVC:

+ Số khu nhà vệ sinh của CBQL, GV, NV: 07 có tổng diện tích: 95 m2

+ Số khu nhà vệ sinh của HS: 07, có tổng diện tích 220 m2

+ Số công trình nước sạch của trường: 03

+ Nhà tập đa năng: 0

+ Số sân chơi: 03; Diện tích sân chơi: 4.796 m^2

+ Sân thể chất (bãi tập): 03; Diện tích sân thể chất (bãi tập): 1597 m^2

- Bếp ăn: 01; Lán xe: 06; Nhà bảo vệ: 03

*** Đánh giá ưu điểm, hạn chế và giải pháp khắc phục trong thời gian tới về các nội dung sau:**

- Điều kiện về phòng học, thư viện, y tế và phòng làm việc: Các phòng học, phòng thư viện, phòng y tế và phòng làm việc cơ bản bảo đảm về diện tích, ánh sáng, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học và thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

- Điều kiện về thiết bị dạy học tối thiểu: Nhà trường cơ bản được trang bị thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông; các thiết bị được khai thác, sử dụng trong quá trình giảng dạy. Tiếp tục rà soát, bổ sung thiết bị còn thiếu theo quy định.

- Điều kiện về sân chơi, bãi tập, nước sạch: Sân chơi, bãi tập cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện thể chất của học sinh; khuôn viên trường bảo đảm vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước phục vụ sinh hoạt.

*** Kết luận:** Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm, nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, qua tự kiểm tra, phường Hồng Châu được đánh giá đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 năm 2026.

2.3. Cấp THCS:

a) Tình hình thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS, đang học THPT hoặc GDTX cấp THPT, hoặc GDNN

Đảm bảo tiêu chuẩn công nhận phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

* Số trẻ từ 11-14 tuổi: 1.434;

- Số trẻ phải phổ cập: 1.422;

- số trẻ từ 11-14 tuổi HTCTTH: 1414; tỷ lệ 1.414/1.422, đạt 99,4%.

* Số trẻ 11-18 tuổi: 2.555

- Số trẻ 11-18 tuổi khuyết tật: 17

+ Số trẻ 11-18 tuổi khuyết tật có khả năng học tập: 17

+ Số trẻ 11-18 tuổi khuyết tật được tiếp cận GD (hòa nhập): 11; Tỷ lệ 11/17, đạt 64,71%

* Tổng số TTN từ 15-18 tuổi: 1.121

- Số TTN từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 1.116

- Số TTN 15 tuổi: 312; Số TTN 15 tuổi TN THCS: 309, tỉ lệ 309/312, đạt 99,04%;

- Số TTN từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 1.108; tỷ lệ 1.108/1.116, đạt 99,28%.

- Số TTN từ 15-18 tuổi đã và đang học THPT, GDTX cấp THPT hoặc GDNN: 1.103; tỷ lệ 1.103/1.116, đạt 98,84%.

- Số TTN 15-18 tuổi khuyết tật: 5

+ Số TTN 15-18 tuổi khuyết tật có khả năng học tập: 5

+ Số TTN 15-18 tuổi khuyết tật được tiếp cận giáo dục (hòa nhập): 0/5, đạt 0

- Tổng số TTN 18 tuổi trên địa bàn: 285

+ Số TTN từ 18 tuổi phải phổ cập: 283

+ Số TTN 18 tuổi tốt nghiệp THCS: 282/283, đạt 99,65%

*** Đánh giá tình hình thanh thiếu niên**

- Ưu điểm: Tỉ lệ thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi đã và đang theo học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt 98,84%, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 trên địa bàn phường.

- Giải pháp: Tiếp tục vận động thanh thiếu niên tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

**** Cán bộ quản lý***

- Tổng số CBQL, GV, NV: 61

- Tổng số CBQL: 04 Trong đó:

+ Hiệu trưởng: 01; PHT: 03

+ Số CBQL đạt chuẩn trình độ: 4/4, đạt 100%; Trên chuẩn trình độ: 4/4, tỉ lệ: 100%

* Giáo viên

- Tổng số giáo viên THCS trên địa bàn phường: 52 Trong đó: Nữ: 47; Dân tộc: 01.

+ Số GV biên chế: 52; số GV hợp đồng được hưởng chính sách theo quy định: 0

+ Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 52; Tỉ lệ 52/52, đạt 100%

+ Số giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: 50; Tỉ lệ 50/52, đạt 96,15%

+ Số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo: 0; Tỉ lệ 0/52, còn 0%

(Trình độ đào tạo: Trên ĐH: 0; Đại học:50; CĐSP:02.)

+ Chuyên ngành đào tạo: Toán: 12; Văn: 13; Lí: 03; Hóa: 03; Sinh: 02; Sử: 02; Địa: 03; Nhạc 02; Mĩ thuật: 03; Thể dục: 01; Tin học: 02; Ngoại ngữ (Tiếng Anh): 6;

+ Tỉ lệ giáo viên/lớp: 52/35 = 1,49.

+ Số GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS: 52/52, tỉ lệ: 100 %

(Xuất sắc:10; Khá:42; TB:0, Kém: 0)

- Tổng phụ trách Đội: 0 ; Đạt chuẩn trình độ: 0

- Số người được phân công theo dõi phổ cập giáo dục: 32

**** Nhân viên***

Tổng số nhân viên: 05 Trong đó: Kế toán: 01; Văn thư: 01; Thư viện: 3; Thiết bị - Thí nghiệm: 0; Y tế: 0; Văn phòng: 0; Khác *(nêu rõ chức vụ)*: 0

**** Đánh giá đội ngũ giáo viên, nhân viên***

- Ưu điểm: Giáo viên đều đạt chuẩn và đủ năng lực trong giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ của các cấp.

- Hạn chế: Nhà trường thiếu giáo viên nên giáo viên phải dạy thừa giờ theo quy định.

- Giải pháp khắc phục hạn chế trong thời gian tới: Tiếp tục rà soát, xác định nhu cầu giáo viên theo từng môn học; tham mưu cấp có thẩm quyền bổ sung giáo viên còn thiếu, đồng thời bố trí, phân công giảng dạy hợp lý, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục theo quy định.

c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tổng số phòng học: 35 phòng; Tỉ lệ 01 lớp/01 phòng, đạt 100%.

Trong đó:

+ Phòng học kiên cố: 35 phòng; Tỉ lệ 01 lớp/01 phòng, đạt 100%

+ Phòng học bán kiên cố: 0 phòng;

+ Phòng học tạm, học nhờ: 0

- Số phòng học bộ môn: Phòng học Tin học 03, phòng Công nghệ 01, phòng KHTN 05, phòng Ngoại ngữ 03, phòng Nghệ thuật: 03.

- Phòng chức năng có 22 phòng, trong đó: Phòng Hội đồng 01, Hiệu trưởng 01, Phó Hiệu trưởng 03, Văn thư 01, Kế toán 01, Đoàn đội 03, phòng Y tế 03, phòng Tư vấn học đường, phòng Thư viện, phòng Đọc 03; phòng tổ chuyên môn: 06

- Phòng Thư viện: 3 *(Trong đó số thư viện đã được công nhận đạt chuẩn: 1.);* Phòng Thiết bị - Đồ dùng: 0;

- Số phòng giáo dục trẻ khuyết tật: 0

- Các điều kiện CSVC:

+ Số khu nhà vệ sinh của CBQL, GV, NV: 03 (diện tích: 10m2/1 phòng) ; Số phòng vệ sinh CBQL, GV, NV: 9

+ Số khu nhà vệ sinh của HS: 6 (diện tích:105); Số phòng vệ sinh HS: 22

+ Số công trình nước sạch: 3

+ Nhà tập đa năng: 0

+ Số sân chơi: 3 (Diện tích: 4500). Trong đó sân chơi có đồ chơi ngoài trời: 0; đạt 0%

+ Sân thể chất (bãi tập): 03 ; Diện tích: 1.500

- Bếp ăn: 0; Lán xe: 06; Nhà bảo vệ: 03

*** Đánh giá về cơ sở vật chất**

- Điều kiện về phòng học, thư viện, y tế, phòng làm việc: Số phòng học đủ so với số lớp.

- Điều kiện thiết bị dạy học tối thiểu: Đủ các thiết bị dạy học tối thiểu

- Điều kiện sân chơi, bãi tập, nước sạch: Sân chơi, bãi tập chưa đủ so với số học sinh toàn trường.

*** Kết luận:** Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; trên cơ sở kết quả tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chí, phường Hồng Châu được xác định đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 năm 2026.

2.4. Xóa mù chữ

a) Số người biết chữ, mù chữ

*** Mức độ 1**

- Tổng số người trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 2.543; Nữ: 1209: Dân Tộc: 02; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 2.543; Tỉ lệ 2.543/2543, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 0 ; Tỉ lệ 0/2543, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 2.299; Nữ: 1132: Dân Tộc: 3; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 2299; Tỉ lệ 2.299/2.299, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 0; Tỉ lệ 0/2299, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 6.119; Nữ: 3.050: Dân Tộc: 2; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 6119; Tỉ lệ 6.119/6.119, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 0; Tỉ lệ 0/6.119, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 15 - 60 là:10.961; Nữ: 5.391: Dân Tộc: 7; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15- 60 là: 10.961 ; Tỉ lệ 10.961/10.961, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 là: 0 ; Tỉ lệ 0/10.961, còn 0%

*** Mức độ 2**

- Tổng số người trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 2.543; Nữ: 1.209: Dân Tộc: 02; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 2543; Tỉ lệ 2.543/2543, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 25 là: 0 ; Tỉ lệ 0/2.543, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 2.299; Nữ: 1.132: Dân Tộc: 3; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 2.299; Tỉ lệ 2.299/2.299, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 26 - 35 là: 0; Tỉ lệ 0/2.299, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 6.119; Nữ: 3.050: Dân Tộc: 2; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 6.119; Tỉ lệ 6.119/6.119, đạt 100%

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 36 - 60 là: 0; Tỉ lệ 0/6.119, còn 0%

- Tổng số người trong độ tuổi từ 15 - 60 là:10.961; Nữ: 5.391: Dân Tộc: 7; Tôn giáo: 0

+ Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 là: 10.961 ; Tỉ lệ 10.961/10.961, đạt 100%.

+ Số người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 là: 0 ; Tỉ lệ 0/10.961, còn 0%

*** Kết luận**: Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; trên cơ sở kết quả tự kiểm tra, đối chiếu các tiêu chí theo quy định, Đoàn kiểm tra đánh giá phường Hồng Châu đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 năm 2026.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Cơ sở hạ tầng, kinh tế của phường ngày càng được quan tâm đầu tư, cơ sở vật chất các trường học được xây dựng và nâng cấp theo hướng kiên cố hóa, mạng lưới trường lớp, phát triển hợp lý, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

- Nhận thức của người dân có nhiều chuyển biến tích cực về công tác PCGD, XMC. Cùng với sự phát triển của xã hội, phụ huynh ngày càng quan tâm đưa con em đến trường khi đến tuổi đi học.

- Thực hiện tốt việc điều tra trình độ học vấn đối tượng PCGD, XMC, cập nhật, thống kê đối tượng vào phần mềm PCGD, XMC đúng kế hoạch đề ra; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện và công nhận kết quả PCGD, XMC cấp xã, báo cáo đúng thời gian quy định.

- Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng và ngày càng được chuẩn hóa về trình độ đào tạo, có ý thức trách nhiệm cao, có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, hết lòng vì học sinh, chủ động sáng tạo trong chỉ đạo, quản lý điều hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh.

- Công tác tuyên truyền vận động được chú trọng đẩy mạnh. Các tổ chức, đoàn thể, ban ngành quan tâm phối hợp, hỗ trợ vận động học sinh đi học để thực hiện công tác PCGD, XMC trên địa bàn thành phố.

2. Hạn chế

- Sự phối hợp thực hiện công tác PCGD, XMC giữa các trường với các Tổ dân phố còn hạn chế; do công chức phường, giáo viên, nhân viên phụ trách công tác phổ cập thay đổi, chưa nắm rõ địa bàn; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp ở các trường mầm non, mẫu giáo còn thấp.

- Một số đối tượng chuyển đi, chuyển đến thường xuyên gây khó khăn trong việc cập nhật thông tin đối tượng. Việc điều tra, cập nhật còn sai sót; còn tẩy xóa phiếu điều tra, một số phiếu thiếu thông tin.

- Một số đơn vị chưa thực hiện tốt, nhập dữ liệu trên bảng tổng hợp số liệu PCGD, XMC do thay đổi người phụ trách, phần mềm PCGD, XMC không cập nhật được.

- Công tác duy trì các trường đạt chuẩn quốc gia còn gặp khó khăn *(công nhận lại sau 5 năm đạt chuẩn)* một số nhà trường còn thiếu giáo viên, phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, sân thể chất.

- Trình độ năng lực của giáo viên chưa đồng đều; một số giáo viên còn hạn chế về tổ chức dạy học và rèn kỹ năng cho học sinh; chưa linh hoạt trong xử lý thực hiện nhiệm vụ.

3. Bài học kinh nghiệm

- Phải có sự quan tâm, theo dõi, đôn đốc thường xuyên của các cấp lãnh đạo đối với công tác PCGD, XMC trên địa bàn.

- Phát huy tốt vai trò các thành viên trong Ban chỉ đạo PCGD, XMC phường.

- Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và giao nhiệm vụ cho Hiệu trưởng các trường thực hiện công tác phổ cập theo địa bàn quản lý, chịu trách nhiệm chính trước Ban chỉ đạo PCGD, XMC phường.

- Thực hiện tốt xã hội hóa công tác PCGD, XMC để huy động sự tham gia của cộng đồng có tính quyết định đến việc hoàn thành công tác này.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông: Phong phú về hình thức, đa dạng về nội dung để nâng cao nhận thức trong toàn dân về công tác PCGD, XMC. Thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ các đơn vị trong việc thống kê đối tượng PCGD, XMC.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2027

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì và giữ vững nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD, XMC. Tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng đạt chuẩn đối với các đơn vị còn một số hạn chế về mức độ đạt chuẩn. Huy động các nguồn lực cùng quan tâm triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC.

2. Mục tiêu cụ thể

Phường Hồng Châu phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 3-5 tuổi; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Nâng cao chất lượng thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở các năm tiếp theo.

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể trong phối hợp thực hiện công tác PCGD, XMC; quan tâm bố trí đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và huy động các nguồn lực hợp pháp. Chú trọng hỗ trợ trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và các đối tượng có nguy cơ không được đến trường hoặc bỏ học, góp phần duy trì, nâng cao chất lượng và tính bền vững của kết quả PCGD, XMC trên địa bàn phường.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác PCGD, XMC; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội xem công tác PCGD, XMC là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

2. Các trường THCS, trường phổ thông nhiều cấp học tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương và gia đình để vận động học sinh bỏ học trở lại nhà trường để tiếp tục đi học hoặc đi học nghề.

3. Tổ chức triển khai, quán triệt nhiệm vụ năm học, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp học, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả.

4. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch của UBND phường về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026 gắn với công tác phát triển giáo dục tại địa phương và các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục MN cho trẻ 3- 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

5. Thực hiện tốt nội dung đổi mới giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT; tổ chức tốt việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh kém; sử dụng có hiệu quả đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học.

6. Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của công tác PCGD, XMC, nâng cao dân trí là điều kiện để phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống.

7. Kiện toàn, bổ sung Ban Chỉ đạo PCGD, XMC phường đảm bảo đủ thành phần, số lượng theo quy định. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Chỉ đạo theo chức năng nhiệm vụ phụ trách.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn: Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,... Tăng cường nguồn lực cho phát triển đầu tư giáo dục. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa để toàn dân cùng quan tâm đóng góp thiết thực cho phát triển giáo dục.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Uỷ ban nhân dân tỉnh

- Giao bổ sung kịp thời biên chế giáo viên mầm non, tiểu học, THCS còn thiếu để đảm bảo nhiệm vụ năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo;

- Quan tâm bố trí kinh phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học xuống cấp; xây dựng, hoàn thiện thư viện và bổ sung thiết bị dạy học còn thiếu, hư hỏng, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và duy trì, nâng cao chất lượng PCGD, XMC.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu, đề xuất với Bộ GDĐT nâng cấp hệ thống máy chủ đảm bảo tốc độ, ổn định để đáp ứng xử lý phần mềm PCGD, XMC hàng năm; giúp cho các đơn vị cập nhật số liệu lên hệ thống kịp thời, chính xác và khai thác số liệu phục vụ công tác báo cáo, kiểm tra thường xuyên, kịp thời.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường, đặc biệt đối với các trường học phấn đấu đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình; hỗ trợ thiết bị học cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bổ sung biên chế giáo viên cho các cấp học nhằm

đảm bảo thực hiện tốt chương trình Giáo dục phổ thông 2018 góp phần duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC phường Hồng Châu năm 2026, Ủy ban nhân dân phường trân trọng báo cáo./.

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 31/12/2026 12:02:51

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT *(phòng GDPT)*;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Thành viên BCĐ PCGD, XMC phường;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG HỒNG CHÂU T. HƯNG YÊN

Phạm Quốc Dũng